

Số: /2021/QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/02/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1931/TTr-SXD ngày 14/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 7 năm 2021 và thay thế Quyết định số 33/2017/QĐ-UBND ngày 23/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số nội dung quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các Chủ đầu tư và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- HĐND tỉnh; các Ban của HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- TT tin học và Công báo;
- Chánh, Phó VPUBND tỉnh;
- Phòng CNXD, NNTN;
- Lưu: VT, CNXD (Đ.70).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì
công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định một số nội dung quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

2. Những quy định khác liên quan đến quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng thực hiện theo Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng (Sau đây viết tắt là Nghị định số 06/2021/NĐ-CP) và Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng (Sau đây viết tắt là Nghị định số 15/2021/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến quản lý chất lượng, thi công xây dựng công trình và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 3. Nguyên tắc chung trong quản lý chất lượng công trình xây dựng

1. Công tác khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng công trình phải đảm bảo an toàn cho công trình và các công trình lân cận; đảm bảo an toàn trong quá trình thi công xây dựng và tuân thủ theo quy định này.

2. Công trình, hạng mục công trình chỉ được nghiệm thu đưa vào sử dụng khi đáp ứng được các yêu cầu của thiết kế, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình, chỉ dẫn kỹ thuật và các yêu cầu khác của chủ đầu tư theo nội dung của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động xây dựng phải có đủ điều kiện năng lực phù hợp với công việc thực hiện, có hệ thống quản lý chất lượng và chịu

trách nhiệm về chất lượng các công việc xây dựng do mình thực hiện trước pháp luật và chủ đầu tư.

4. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức quản lý chất lượng phù hợp với tính chất, quy mô và nguồn vốn đầu tư xây dựng công trình trong quá trình thực hiện đầu tư xây dựng công trình theo quy định này.

5. Người quyết định đầu tư có trách nhiệm kiểm tra việc tổ chức thực hiện quản lý chất lượng công trình xây dựng của chủ đầu tư và các nhà thầu theo quy định này và quy định của pháp luật có liên quan.

6. Cơ quan chuyên môn về xây dựng hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý chất lượng của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng; tổ chức kiểm tra, giám định chất lượng công trình xây dựng; kiến nghị và xử lý các vi phạm về chất lượng công trình xây dựng theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Phân loại, phân cấp công trình

1. Công trình xây dựng được phân thành các loại theo quy định khoản 1, Điều 3 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Công trình xây dựng được phân cấp theo quy định tại khoản 2, Điều 3 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Chương II

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VỀ KHẢO SÁT XÂY DỰNG, THIẾT KẾ XÂY DỰNG, THI CÔNG XÂY DỰNG

Điều 5. Quản lý chất lượng khảo sát xây dựng

1. Trình tự thực hiện khảo sát xây dựng thực hiện theo trình tự quy định tại Điều 25 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

2. Các nội dung về Nhiệm vụ khảo sát xây dựng, Phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng, Quản lý công tác khảo sát xây dựng, Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng, Phê duyệt báo cáo kết quả khảo sát xây dựng thực hiện theo quy định tại các Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

Điều 6. Quản lý chất lượng thiết kế xây dựng công trình

1. Quản lý chất lượng thiết kế xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Mục 2 và Mục 3, Chương III, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và các Quy định về thẩm tra, thẩm định thiết kế xây dựng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

2. Nhà thầu thiết kế xây dựng chịu trách nhiệm về chất lượng thiết kế xây dựng do mình thực hiện; việc thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng của cá nhân, tổ chức, chủ đầu tư, người quyết định đầu tư hoặc cơ quan chuyên môn về xây dựng không thay thế và không làm giảm trách nhiệm của nhà thầu thiết kế xây dựng về chất lượng thiết kế xây dựng do mình thực hiện.

3. Trường hợp nhà thầu thiết kế xây dựng làm tổng thầu thiết kế thì nhà thầu này phải đảm nhận những công việc thiết kế chủ yếu của công trình và chịu trách nhiệm toàn bộ về việc thực hiện hợp đồng với bên giao thầu. Nhà thầu thiết kế phụ chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng thiết kế xây dựng trước tổng thầu và trước pháp luật đối với phần việc do mình đảm nhận.

4. Trong quá trình thiết kế xây dựng công trình có quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp, nhà thầu thiết kế xây dựng có quyền đề xuất với chủ đầu tư thực hiện các thí nghiệm, thử nghiệm mô phỏng để kiểm tra, tính toán khả năng làm việc của công trình nhằm hoàn thiện thiết kế xây dựng, bảo đảm yêu cầu kỹ thuật và an toàn công trình.

5. Sau khi hồ sơ thiết kế xây dựng được thẩm định, phê duyệt theo quy định, chủ đầu tư kiểm tra khối lượng công việc đã thực hiện, sự phù hợp về quy cách, số lượng hồ sơ thiết kế xây dựng so với quy định của hợp đồng xây dựng và thông báo chấp thuận nghiệm thu hồ sơ thiết kế xây dựng bằng văn bản đến nhà thầu thiết kế xây dựng nếu đạt yêu cầu.

Điều 7. Quản lý thi công xây dựng công trình

1. Nội dung quản lý thi công xây dựng công trình được quy định tại Điều 10 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Các nội dung về Quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình, Quản lý tiến độ thi công xây dựng công trình, Quản lý khối lượng thi công xây dựng công trình, Quản lý an toàn lao động, môi trường xây dựng trong thi công xây dựng công trình được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; Nội dung Quản lý chi phí đầu tư xây dựng trong quá trình thi công xây dựng được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

3. Các nội dung cụ thể về công tác quản lý chất lượng thi công xây dựng được thực hiện theo các quy định tại Chương II, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 8. Công tác nghiệm thu

1. Công tác nghiệm thu được thực hiện như sau:

a) Nghiệm thu công việc xây dựng theo quy định tại Điều 21, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

b) Nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng thực hiện theo Điều 22, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

c) Nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng thực hiện theo Điều 23, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Đối với các công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng được quy định tại Phụ lục số X, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và công trình thuộc dự án PPP phải được cơ quan chuyên môn về xây dựng có thẩm quyền quy định tại Điều 12 Quy định này kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình.

Điều 9. Giám sát trong quá trình thi công xây dựng

1. Việc giám sát thi công xây dựng được thực hiện theo quy định tại Điều 19, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Việc giám sát tác giả của nhà thầu thiết kế trong thi công xây dựng công trình được thực hiện theo quy định tại Điều 20, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Việc giám sát cộng đồng được thực hiện theo các quy định tại Chương VIII, Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát đánh giá đầu tư.

Điều 10. Nhật ký thi công xây dựng công trình và Bản vẽ hoàn công

Ngày ký thi công xây dựng công trình và Bản vẽ hoàn công thực hiện theo quy định tại Phụ lục số II, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 11. Lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng

Việc lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 26, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Chương III KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU CỦA CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ XÂY DỰNG

Điều 12. Thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu

1. Sở Xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở, dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng, dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp nhẹ, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ trong đô thị (trừ đường quốc lộ qua đô thị), dự án đầu tư xây dựng có công năng phục vụ hỗn hợp khác. Trừ các công trình quy định tại Điểm a, điểm b, điểm d, khoản 2, Điều 24, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và các công trình quy định tại khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều này.

2. Sở Giao thông vận tải kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các công trình giao thông. Trừ các công trình quy định tại điểm a, điểm b, điểm d, khoản 2, Điều 24, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và các công trình quy định tại khoản 1, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều này.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn. Trừ các công trình quy định tại điểm a, điểm b, điểm d, khoản 2, Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và các công trình quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều này.

4. Sở Công thương kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp. Trừ các công trình quy định tại điểm a, điểm b, điểm d, khoản 2, Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và các công trình quy định tại khoản 1, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều này.

5. Ban quản lý các khu công nghiệp kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các công trình tại các khu công nghiệp được giao quản lý, Trừ các công trình quy định tại điểm a, điểm b, điểm d, khoản 2, Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và các công trình cấp II trở lên.

6. Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các công trình thuộc các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư và thuộc diện được phân cấp thẩm định thiết kế xây dựng trừ các công trình cấp II trở lên và các công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng được quy định tại Phụ lục số X, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP; Trường hợp cơ quan thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đồng thời được giao là chủ đầu tư thì bộ phận kiểm tra công tác nghiệm thu phải độc lập với bộ phận phụ trách các công trình đó; cơ quan tổ chức kiểm tra có trách nhiệm báo cáo kết quả kiểm tra về Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để theo dõi tổng hợp.

7. Đối với các công trình quốc phòng, an ninh thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu thực hiện theo các quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an.

8. Trong trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình gồm nhiều công trình, hạng mục công trình có loại và cấp khác nhau thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 24, Nghị định 06/2021/NĐ-CP thì cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện kiểm tra là cơ quan có trách nhiệm thực hiện kiểm tra đối với công trình, hạng mục công trình chính có cấp cao nhất của dự án.

9. Đối với các công trình giao thông khác và thuộc thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu nêu tại khoản 4, Điều 52, Nghị định 06/2021/NĐ-CP thì cơ quan chủ trì kiểm tra công tác nghiệm thu là cơ quan chủ trì thẩm định thiết kế xây dựng công trình đó.

Điều 13. Trình tự kiểm tra công tác nghiệm thu

Trình tự kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng công trình và hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng được thực hiện theo quy định tại khoản 5, khoản 6, Điều 24, Nghị định 06/2021/NĐ-CP.

Điều 14. Nội dung kiểm tra công tác nghiệm thu

1. Kiểm tra sự tuân thủ các quy định về công tác quản lý chất lượng, an toàn trong thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư và các nhà thầu tham gia hoạt động xây dựng theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Kiểm tra các điều kiện nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào khai thác, sử dụng.

3. Việc kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan có thẩm quyền quy định tại Quy định này không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của chủ đầu tư về công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng và trách nhiệm của các nhà thầu tham gia hoạt động xây dựng về chất lượng công trình xây dựng đối với phần việc do mình thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Điều kiện để đưa công trình, hạng mục công trình vào khai thác, sử dụng

1. Công trình, hạng mục công trình phải được nghiệm thu công việc xây dựng theo quy định tại Điều 21, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận thi công xây dựng theo quy định tại Điều 22 và nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình đưa vào sử dụng theo quy định tại Điều 23, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và hoàn thành việc lập hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng theo quy định tại Phụ lục VIB Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Đối với các công trình quy định tại khoản 2, Điều 8 Quy định này, phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 12 Quy định này kiểm tra công tác nghiệm thu và ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu. Đối với công trình sử dụng vốn đầu tư công hoặc vốn nhà nước ngoài đầu tư công, chủ đầu tư chỉ được phép quyết toán hợp đồng thi công xây dựng sau khi có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu nêu trên. Đối với công trình thuộc dự án PPP, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu nêu trên là căn cứ để doanh nghiệp dự án PPP lập hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình.

Điều 16. Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng

Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng được lập, phê duyệt, thanh toán theo quy định tại khoản 8, khoản 9, Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Chương IV TRÁCH NHIỆM CÁC TỔ CHỨC

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối quản lý nhà nước toàn diện về công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, chịu trách nhiệm:

1. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

2. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các cấp, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

3. Yêu cầu, đôn đốc các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý các khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện kiểm tra sự tuân thủ các quy định của Quy định này.

4. Tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu các công trình xây dựng theo thẩm quyền quy định tại Điều 12 Quy định này.

5. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng tình hình quản lý chất lượng công trình xây dựng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh theo định kỳ hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến chất lượng công trình xây dựng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng do Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu.

Điều 18. Trách nhiệm các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh đối với các công trình thuộc chuyên ngành.

2. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các cấp, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành.

3. Tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu các công trình xây dựng theo thẩm quyền quy định tại Điều 12, Quy định này.

4. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng về tình hình quản lý chất lượng công trình xây dựng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng các công trình chuyên ngành định kỳ hằng năm (trước ngày 05/12) và đột xuất khi có yêu cầu.

5. Phối hợp với Sở Xây dựng hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến chất lượng công trình xây dựng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng do Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu.

Điều 19. Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng đối với các công trình tại các khu công nghiệp.

2. Phối hợp với Sở Xây dựng, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành trong công tác quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

3. Tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu các công trình xây dựng theo thẩm quyền quy định tại Điều 12, Quy định này.

4. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng về tình hình quản lý chất lượng công trình xây dựng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng các công trình chuyên ngành định kỳ hàng năm (trước ngày 05/12) và đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Phổ biến, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

2. Chỉ đạo, kiểm tra đơn vị có chức năng quản lý về xây dựng trực thuộc tổ chức thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo phân cấp.

3. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng về tình hình quản lý chất lượng công trình xây dựng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng theo định kỳ hằng năm (trước ngày 05/12) và đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 21. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng cho các tổ chức và công dân trên địa bàn.

2. Tiếp nhận, xác nhận thông báo khởi công của chủ đầu tư đối với các công trình xây dựng trên địa bàn. Lập danh mục, theo dõi các công trình khởi công xây dựng trên địa bàn hằng quý (trước 5 ngày kết thúc quý) báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp, theo dõi, kiểm tra.

3. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan có liên quan kiểm tra công trình xây dựng trên địa bàn khi được yêu cầu.

Điều 22. Trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng công trình

1. Chịu trách nhiệm tổ chức quản lý chất lượng công trình xây dựng trong tất cả giai đoạn của dự án, thực hiện các quy định về bàn giao đưa công trình vào sử dụng đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành.

2. Lựa chọn các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện năng lực theo quy định tại Nghị định số 15/2021/NĐ-CP để thực hiện các hoạt động xây dựng; chấp thuận các nhà thầu phụ tham gia hoạt động xây dựng do nhà thầu chính hoặc tổng thầu xây dựng đề xuất theo quy định của hợp đồng xây dựng.

3. Thực hiện việc báo cáo thông tin các công trình xây dựng và báo cáo hoàn thành công trình, hạng mục công trình về các cơ quan quản lý nhà nước đối với các công trình thuộc diện phải được các cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu.

4. Phối hợp với chính quyền địa phương nơi có công trình xây dựng trong quá trình thi công xây dựng công trình, đảm bảo trật tự an ninh, an toàn cho người và các công trình lân cận.

5. Chuẩn bị, cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan của các công trình do mình làm chủ đầu tư cho các cơ quan quản lý nhà nước khi có yêu cầu.

6. Báo cáo sự cố và thực hiện giải quyết sự cố công trình theo quy định.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Xử lý chuyển tiếp

1. Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng đã được quyết định đầu tư trước ngày 26/01/2021 thì loại và cấp của công trình được xác định theo quy định của pháp luật tại thời điểm quyết định đầu tư.

2. Công trình xây dựng khởi công trước ngày 26/01/2021 thuộc đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng nhưng không thuộc đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định của Nghị định 06/2021/NĐ-CP thì không tiếp tục thực hiện việc kiểm tra công tác nghiệm thu. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định của Nghị định 06/2021/NĐ-CP và báo cáo kết quả thực hiện về cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp tại Điều 12 Quy định này để theo dõi.

3. Công trình xây dựng khởi công trước ngày 26/01/2021 thuộc đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định của Nghị định 06/2021/NĐ-CP thì thực hiện theo Quy định này.

Điều 24. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức, phân công trách nhiệm cho các đơn vị trực thuộc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Quy định này, các quy định của pháp luật về xây dựng và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có phát sinh vướng mắc, các ngành, các cấp, các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan phản ánh bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi bổ sung cho phù hợp./.